

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Đình Lân	Chủ tịch - Bổ nhiệm ngày 18/01/2016
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Chủ tịch - Miễn nhiệm ngày 18/01/2016
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Thành viên - Từ ngày 18/01/2016
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên - Đến ngày 18/01/2016
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên
Ông Lê Quốc Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Minh Khôi	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 18/01/2016
Ông Tạ Đình Lân	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 18/01/2016
Ông Nguyễn Hùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trọng Phụng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Đào Thị Liêm.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,





Trương Minh Khôi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/03/2016, trình bày từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã tiến hành phân loại, đánh giá cũng như xem xét thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn nhưng chưa đầy đủ. Theo ước tính của chúng tôi, tổng số dự phòng nợ phải thu quá hạn cần trích lập dự phòng bổ sung theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính trong năm 2015 khoảng 1,68 tỷ đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1395-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.102.706.346	116.485.320.230
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.476.276.997	1.632.722.283
Tiền	111		4.476.276.997	1.632.722.283
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.385.110.730	80.602.701.354
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	76.877.781.430	81.162.549.918
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		434.119.259	11.814.880
Các khoản phải thu khác	136	7	3.773.210.041	128.336.556
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.700.000.000)	(700.000.000)
Hàng tồn kho	140		62.931.852.640	34.249.896.593
Hàng tồn kho	141	8	62.931.852.640	34.249.896.593
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		309.465.979	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		309.465.979	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.445.458.309	24.951.410.120
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.406.875.024	-
Phải thu dài hạn khác	216	7	2.406.875.024	-
Tài sản cố định	220		16.722.704.587	15.885.553.382
Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.722.704.587	15.885.553.382
- Nguyên giá	222		40.810.527.355	38.188.287.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.087.822.768)	(22.302.733.973)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		2.698.068.098	2.698.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.698.068.098)	(2.698.068.098)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		59.090.909	59.090.909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	59.090.909	59.090.909
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	1.781.640.000	5.045.640.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.380.000.000	1.380.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		401.640.000	3.665.640.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.475.147.789	3.961.125.829
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.475.147.789	3.961.125.829
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172.548.164.655	141.436.730.350

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		91.099.145.582	71.975.379.933
Nợ ngắn hạn	310		89.529.086.135	71.105.320.486
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	31.435.072.950	32.526.787.085
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.982.716.818	5.346.573.250
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	218.235.778	206.681.759
Phải trả người lao động	314		3.112.259.295	1.763.735.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	39.141.687	34.601.952
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.078.124.000	2.383.232.984
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	32.539.476.299	27.883.514.547
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.124.059.308	960.193.909
Nợ dài hạn	330		1.570.059.447	870.059.447
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	570.000.000	370.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	19	1.000.059.447	500.059.447
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.449.019.073	69.461.350.417
Vốn chủ sở hữu	410	20	81.449.019.073	69.461.350.417
Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.330.420.000	3.330.420.000
Cổ phiếu quỹ	415		-	(335.721.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.000.000.000	20.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.118.599.073	15.966.651.417
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.966.651.417	11.897.021.417
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.151.947.656	4.069.630.000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172.548.164.655	141.436.730.350

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Đào Thị Liêm

Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	211.880.444.840	168.210.996.408
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	2.521.000	25.818.181
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		211.877.923.840	168.185.178.227
Giá vốn hàng bán	11	23	183.136.974.258	148.643.915.710
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.740.949.582	19.541.262.517
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.083.175.435	489.405.368
Chi phí tài chính	22	25	2.768.930.327	2.986.366.990
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.741.445.081	2.981.883.249
Chi phí bán hàng	25		1.539.796.173	505.491.505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.273.105.301	6.223.784.391
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.242.293.216	10.315.024.999
Thu nhập khác	31	27	1.443.955.652	1.574.503.493
Chi phí khác	32	28	30.469.168	1.128.390.607
Lợi nhuận khác	40		1.413.486.484	446.112.886
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.655.779.700	10.761.137.885
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.655.779.700	10.761.137.885
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5.603	3.257

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Đào Thị Liêm

Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		247.826.886.187	152.322.793.859
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(208.083.288.390)	(121.281.923.682)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.470.284.224)	(24.380.738.413)
Tiền lãi vay đã trả	04		(2.741.445.081)	(2.952.408.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(240.254.268)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.405.483.476	2.153.832.850
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.183.185.490)	(3.743.765.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(486.087.790)	2.117.791.012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.980.113.025)	(1.458.792.704)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.536.435.200
	23			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(5.000.000.000)	-
	24			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			5.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.380.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.488.000.000	2.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		698.044.014	467.954.355
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.205.930.989	1.665.596.851
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	31		335.721.000	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu				
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(298.821.000)
Tiền thu từ đi vay	33		34.514.110.165	34.686.847.553
Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.658.148.413)	(32.454.911.925)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.066.935.159)	(5.222.973.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.124.747.593	(3.289.858.776)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.844.590.792	493.529.087
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	1.632.722.283	1.138.841.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.036.078)	351.517
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	4.476.276.997	1.632.722.283

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Đào Thị Liêm

Tổng Giám đốc




Trương Minh Khôi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), là doanh nghiệp được thành lập theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 1 nhiệm kỳ 2007 - 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp ngày 15/03/2008. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000495 ngày 09/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 số 2500303038 ngày 18/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 18/01/2015 là 30.000.000.000 đồng, chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp nắm giữ 1.620.000 cổ phần tương ứng với 16.200.000.000 đồng, chiếm 54% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư và Xây dựng nắm giữ 38.821 cổ phần tương ứng với 388.210.000 đồng, chiếm 1,29% vốn điều lệ.
- Ông Tạ Đình Lân nắm giữ 61.630 cổ phần tương ứng với 616.300.000 đồng, chiếm 2,05% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.279.549 cổ phần tương ứng với 12.795.490.000 đồng, chiếm 42,65% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Lô 22+23 Khu Công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.6 Lập dự phòng**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên nhưng Công ty đánh giá có khả năng thu hồi bình thường nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 07
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	05 - 07

4.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.9 Ghi nhận doanh thu, chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá thanh toán và cổ tức được chia. Lãi tiền gửi ngân hàng ghi nhận theo thông báo hàng kỳ của ngân hàng và số tiền nhận được từng kỳ, cổ tức được chia ghi nhận theo thông báo chia cổ tức của đơn vị mà Công ty có vốn đầu tư.

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư, lãi vay, chênh lệch tỷ giá thanh toán. Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số thông báo của ngân hàng đến thời điểm cuối năm tài chính.

4.10 Thuế

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế, ưu đãi thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 09/DNKHCN ngày 28/08/2012 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp. Trong năm 2015, Công ty đã đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ (doanh thu sản phẩm khoa học công nghệ đạt từ 50% tổng doanh thu trở lên) và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp khoa học công nghệ. Theo đó, thu nhập từ các hoạt động này của Công ty không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.11 Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	675.661.237	261.838.410
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.800.615.760	1.370.883.873
	4.476.276.997	1.632.722.283

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

6.1 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	76.877.781.430	81.162.549.918
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	29.559.839.854	44.208.761.794
- Trung tâm chuyển giao công nghệ (CETEC)	4.843.608.475	4.423.862.500
- Công ty TNHH Kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	4.867.755.000
- Công ty CP Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp	4.636.189.350	-
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNHH một thành viên	3.637.575.647	963.600.000
- Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty Cổ phần	2.058.950.000	-
- Công ty TNHH MTV Tân Thành 9	2.013.506.000	204.950.000
- Công ty CP Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	1.540.275.000	38.176.500
- Công ty CP Công nghệ TM Huệ Quang	1.522.950.705	1.522.950.705
- Công ty CP Công nghiệp XD Toàn Phát	1.326.407.000	1.276.215.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển An Tiến	1.280.000.000	1.280.000.000
- Công ty CP Bê tông, Xây dựng A&P	1.142.665.764	1.046.598.000
- Các đối tượng khác	18.498.058.635	21.329.680.419
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	29.559.839.854	44.208.761.794
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	29.559.839.854	44.208.761.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6.2 NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.615.230.755	5.915.230.755	8.665.230.755	7.965.230.755
+ Công ty TNHH kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	3.357.705.705	4.867.755.000	4.407.705.705
+ Công ty CP Thương mại Huệ Quang	1.522.950.705	923.000.000	1.522.950.705	1.283.000.000
+ Cty CP Cavico Xây dựng Thủy điện	335.000.000	235.000.000	335.000.000	335.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long	300.000.000	220.000.000	300.000.000	300.000.000
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại Trường Lộc	193.000.000	143.000.000	193.000.000	193.000.000
+ Xí nghiệp 11- CN Tổng Công ty 319	152.814.000	102.814.000	152.814.000	152.814.000
+ Công ty CP Sông Đà Đông Đô	870.000.000	620.000.000	870.000.000	870.000.000
+ Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Vạn Xuân	423.711.050	313.711.050	423.711.050	423.711.050

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	3.773.210.041	-	128.336.556	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	2.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH TM Quốc tế và DV siêu thị Big C Thăng Long	10.000.000	-	-	-
- Lãi được chia năm 2015 từ góp vốn vào công ty CIE2	110.400.000	-	-	-
- Lãi được chia năm 2015 từ góp vốn vào công ty CMC	11.250.000	-	-	-
- Tập đoàn CIE tiền thuê đất nộp thừa 2014 trở về trước	1.605.616.362	-	-	-
- Các khoản tạm ứng	33.100.000	-	126.754.600	-
- Phải thu khác	2.843.679	-	1.581.956	-
b. Dài hạn	2.406.875.024	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	2.406.875.024	-	-	-
	6.180.085.065	-	128.336.556	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.342.378.288	-	5.104.221.644	-
Công cụ, dụng cụ	121.085.764	-	33.276.980	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.468.388.588	-	29.112.397.969	-
	62.931.852.640	-	34.249.896.593	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là khoản tiền đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh. Tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2015.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
- Sửa phòng làm việc	59.090.909	59.090.909
	59.090.909	59.090.909

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	5.475.147.789	3.961.125.829
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	111.271.398	154.240.296
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng khu CN Quang Minh	3.634.330.620	3.766.570.620
- Chi phí tư vấn đổi mới khoa học công nghệ	1.500.000.000	-
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà, xưởng sản xuất	229.545.771	40.314.913
	5.475.147.789	3.961.125.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	28.154.592.351	6.400.199.454	3.340.735.161	292.760.389	38.188.287.355
- Mua trong năm	-	197.700.000	2.373.040.000	-	2.570.740.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	51.500.000	-	-	-	51.500.000
31/12/2015	<u>28.206.092.351</u>	<u>6.597.899.454</u>	<u>5.713.775.161</u>	<u>292.760.389</u>	<u>40.810.527.355</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2015	15.830.922.926	4.398.874.896	1.972.835.137	100.101.014	22.302.733.973
- Khấu hao trong năm	1.058.882.527	424.079.643	267.663.768	34.462.857	1.785.088.795
31/12/2015	<u>16.889.805.453</u>	<u>4.822.954.539</u>	<u>2.240.498.905</u>	<u>134.563.871</u>	<u>24.087.822.768</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2015	<u>12.323.669.425</u>	<u>2.001.324.558</u>	<u>1.367.900.024</u>	<u>192.659.375</u>	<u>15.885.553.382</u>
31/12/2015	<u>11.316.286.898</u>	<u>1.774.944.915</u>	<u>3.473.276.256</u>	<u>158.196.518</u>	<u>16.722.704.587</u>

Tại 31/12/2015:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.770.025.251 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.781.640.000	1.781.640.000	-	5.045.640.000	5.045.640.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	1.380.000.000	1.380.000.000	-	1.380.000.000	1.380.000.000	-
+ Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE 2	1.380.000.000	1.380.000.000	-	1.380.000.000	1.380.000.000	-
Đầu tư vào Đơn vị khác	401.640.000	401.640.000	-	3.665.640.000	3.665.640.000	-
+ Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	352.500.000	352.500.000	-	352.500.000	352.500.000	-
+ Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	-	-	-	3.264.000.000	3.264.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển CCV	49.140.000	49.140.000	-	49.140.000	49.140.000	-

Các khoản đầu tư trên đang được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp	218.235.778	3.365.576.857	3.354.022.838	206.681.759
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	409.060	2.685.992.123	2.759.494.456	73.911.393
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	240.254.268	240.254.268	-
- Thuế thu nhập cá nhân	217.826.718	301.598.718	216.542.366	132.770.366
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	134.731.748	134.731.748	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	31.435.072.950	31.435.072.950	32.526.787.085	32.526.787.085
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	4.605.810.000	4.605.810.000	598.644.000	598.644.000
- Công ty Cổ phần 3B	4.412.583.340	4.412.583.340	-	-
- Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	4.020.390.000	4.020.390.000	1.839.541.000	1.839.541.000
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	2.140.300.800	2.140.300.800	2.792.700.900	2.792.700.900
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	1.877.032.085	1.877.032.085	1.194.727.898	1.194.727.898
- Công ty TNHH Kim khí & Dịch vụ Vận tải	1.490.122.811	1.490.122.811	1.906.741.155	1.906.741.155
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179	1.372.175.640	1.372.175.640	-	-
- Công ty CP Thương mại Kỹ thuật Hải Anh	1.255.417.830	1.255.417.830	1.205.550.000	1.205.550.000
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	1.254.511.995	1.254.511.995	5.910.664.485	5.910.664.485
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	877.505.520	877.505.520	7.690.155.892	7.690.155.892
- Các đối tượng khác	8.129.222.929	8.129.222.929	9.388.061.755	9.388.061.755
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	31.435.072.950	31.435.072.950	32.526.787.085	32.526.787.085
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	9.503.705.520	9.503.705.520	10.128.340.892	10.128.340.892
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	4.605.810.000	4.605.810.000	598.644.000	598.644.000
- Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	4.020.390.000	4.020.390.000	1.839.541.000	1.839.541.000
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	877.505.520	877.505.520	7.690.155.892	7.690.155.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
a. Vay và nợ ngắn hạn	32.539.476.299	32.539.476.299	34.314.110.165	29.658.148.413	27.883.514.547	27.883.514.547
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	25.979.476.299	25.979.476.299	33.464.110.165	28.918.148.413	21.433.514.547	21.433.514.547
Vay ngắn hạn các cá nhân	6.560.000.000	6.560.000.000	850.000.000	740.000.000	6.450.000.000	6.450.000.000
b. Vay và nợ dài hạn	570.000.000	370.000.000	200.000.000	-	370.000.000	370.000.000
Vay các cá nhân	570.000.000	370.000.000	200.000.000	-	370.000.000	370.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn	39.141.687	34.601.952
- Lãi vay phải trả	39.141.687	34.601.952

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn	5.078.124.000	2.383.232.984
- Bảo hiểm y tế	-	3.903.143
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.378.124.000	1.088.629.841
- Công ty TNHH Kim Đình	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH Kim Tường	1.200.000.000	200.000.000
- Công ty CP Xi măng Sông Lam	500.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư TM Việt Hàn	-	30.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	60.700.000

19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (PTKH&CN) của Công ty. Quỹ PTKH&CN chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Mức trích quỹ trong năm không quá 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế TNDN.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng, chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó chi tiết như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	16.200.000.000	16.200.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	388.210.000	388.210.000
Vốn góp của các đối tượng khác	13.411.790.000	13.411.790.000
	30.000.000.000	30.000.000.000

20.1 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20.2 Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	27.345
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	27.345
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	2.972.655
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	2.972.655
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****20.3 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2014	30.000.000.000	3.330.420.000	(36.900.000)	11.500.000.000	7.500.000.000	11.897.021.417	64.190.541.417
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	10.761.137.885	10.761.137.885
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(298.821.000)	-	-	-	(298.821.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	1.500.000.000	-	(2.500.000.000)	(1.000.000.000)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(4.191.507.885)	(4.191.507.885)
31/12/2014	30.000.000.000	3.330.420.000	(335.721.000)	13.000.000.000	7.500.000.000	15.966.651.417	69.461.350.417
01/01/2015	30.000.000.000	3.330.420.000	(335.721.000)	20.500.000.000	-	15.966.651.417	69.461.350.417
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	17.655.779.700	17.655.779.700
- Bán cổ phiếu quỹ	-	-	335.721.000	-	-	-	335.721.000
- Trích lập các quỹ	-	-	-	1.500.000.000	-	(2.500.000.000)	(1.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.458.982.500)	(4.458.982.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(544.849.544)	(544.849.544)
31/12/2015	30.000.000.000	3.330.420.000	-	22.000.000.000	-	26.118.599.073	81.449.019.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.880.444.840	168.210.996.408
+ Doanh thu bán thành phẩm	203.502.703.876	159.696.827.650
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.865.866.964	7.047.826.390
+ Doanh thu bán vật tư	511.874.000	1.466.342.368
a. Doanh thu với các bên liên quan	45.322.605.699	60.885.441.987
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	42.468.350.999	58.186.422.364
+ Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	616.407.000	624.780.000
+ Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	2.237.847.700	2.074.239.623

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.521.000	25.818.181
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	-	25.818.181
+ Giảm giá hàng bán	2.521.000	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm	176.140.621.496	141.335.039.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.637.901.912	5.933.988.445
Giá vốn bán vật tư	358.450.850	1.374.888.265
	183.136.974.258	148.643.915.710

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.640.749	19.954.355
Lãi bán các khoản đầu tư	224.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	762.983.333	448.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.551.353	18.294.227
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.156.786
	1.083.175.435	489.405.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	2.741.445.081	2.981.883.249
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.036.078	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.449.168	4.483.741
	<u>2.768.930.327</u>	<u>2.986.366.990</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	9.273.105.301	6.223.784.391
Chi phí nhân viên quản lý	2.267.268.237	2.224.593.361
Chi phí vật liệu quản lý	711.563.030	258.428.695
Chi phí đồ dùng Văn phòng	604.577.106	487.061.084
Chi phí khấu hao TSCĐ	245.073.825	372.683.328
Chi phí thuê, phí và lệ phí	3.000.000	77.561.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.451.876.673	759.135.650
Chi phí dự phòng phải thu	2.000.000.000	700.000.000
Chi phí khác bằng tiền	989.746.430	1.344.320.673

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền thuê đất được giảm	1.384.365.652	-
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.436.100.000
Thanh lý phế liệu	-	100.335.200
Tiền phạt thu được	59.590.000	38.068.293
	<u>1.443.955.652</u>	<u>1.574.503.493</u>

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	1.120.487.232
Phạt vi phạm hợp đồng	30.469.168	-
Các khoản chi phí khác	-	7.903.375
	<u>30.469.168</u>	<u>1.128.390.607</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	152.592.762.155	107.624.230.293
Chi phí nhân công	28.879.233.977	24.502.273.897
Khấu hao tài sản cố định	1.777.580.166	2.254.098.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.056.523.866	16.942.098.529
Chi phí bằng tiền khác	2.399.818.522	2.978.759.453
	204.705.918.686	154.301.460.424

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.655.779.700	10.761.137.885
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.000.000.000	1.000.000.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.655.779.700	9.761.137.885
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.972.655	2.996.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.603	3.257

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.476.276.997	1.632.722.283
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.650.991.471	81.290.886.474
Tài sản tài chính khác	2.406.875.024	-
Cộng	87.534.143.492	82.923.608.757
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	33.109.476.299	28.253.514.547
Phải trả người bán và phải trả khác	36.513.196.950	34.910.020.069
Chi phí phải trả	39.141.687	34.601.952
Cộng	69.661.814.936	63.198.136.568

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210

yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro Thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng EUR do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Tuy nhiên các giao dịch này phát sinh ít và Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ chịu rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD và EUR là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất cố định. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc và lãi ước tính phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	32.539.476.299	570.000.000	33.109.476.299
Phải trả người bán và phải trả khác	36.513.196.950	-	36.513.196.950
Chi phí phải trả	39.141.687	-	39.141.687
	69.091.814.936	570.000.000	69.661.814.936
01/01/2015			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	27.883.514.547	370.000.000	28.253.514.547
Phải trả người bán và phải trả khác	34.910.020.069	-	34.910.020.069
Chi phí phải trả	34.601.952	-	34.601.952
	62.828.136.568	370.000.000	63.198.136.568

Ban Giám đốc đánh mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.476.276.997	-	4.476.276.997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.650.991.471	-	80.650.991.471
Tài sản tài chính khác	-	2.406.875.024	2.406.875.024
	85.127.268.468	2.406.875.024	87.534.143.492
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.632.722.283	-	1.632.722.283
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.290.886.474	-	81.290.886.474
Tài sản tài chính khác	-	-	-
	82.923.608.757	-	82.923.608.757

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2015 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn XD & thiết bị Công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty TNHH chế tạo máy và thiết bị công nghiệp CIE2	Đơn vị thuộc Công ty mẹ
Công ty CP TM Kim Hoa	Đơn vị thuộc Công ty mẹ
Công ty CP máy và TBCN 1-5	Đơn vị thuộc Công ty mẹ

32.1 Giao dịch với các bên liên quan

Doanh thu với bên liên quan	44.929.983.469	60.260.661.987
- Công ty CP Tập đoàn XD & thiết bị Công nghiệp	42.468.350.999	58.186.422.364
- Công ty TNHH chế tạo máy và thiết bị công nghiệp CIE2	2.461.632.470	2.074.239.623
Mua hàng từ bên liên quan	65.443.516.990	21.821.025.250
Công ty CP TM Kim Hoa	19.953.344.000	6.333.020.000
Công ty CP máy và TBCN 1-5	16.354.519.190	-
Công ty TNHH chế tạo máy và thiết bị công nghiệp CIE2	29.135.653.800	15.488.005.250
	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi trả cổ tức	2.878.000.000	2.716.000.000
Công ty CP tập đoàn XD & thiết bị Công nghiệp	2.430.000.000	2.268.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32.2 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng	34.403.448.329	48.632.624.294
Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	29.559.839.854	44.208.761.794
Trung tâm chuyển giao công nghệ (CETEC)	4.843.608.475	4.423.862.500
Phải trả người bán	9.503.705.520	10.128.340.892
Công ty CP TM Kim Hoa	4.605.810.000	598.644.000
Công ty CP máy và TBCN 1-5	4.020.390.000	1.839.541.000
Công ty TNHH chế tạo máy và thiết bị công nghiệp CIE2	877.505.520	7.690.155.892
Phải thu khác	1.716.016.362	-
Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp - thuê đất	1.605.616.362	-
Công ty TNHH chế tạo máy và thiết bị công nghiệp CIE2	110.400.000	-
Các khoản phải trả khác	1.296.000.000	-
Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	1.296.000.000	-

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 đã được kiểm toán.

Tại ngày 01/01/2015, Công ty đã phân loại và trình bày lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2014 theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số trình bày lại tại 01/01/2015	Số liệu tại 31/12/2014	Đơn vị tính: VND
			Số phân loại Tăng(+)/ Giảm(-)
TÀI SẢN			-
Phải thu ngắn hạn khác	128.336.556	1.581.956	126.754.600
Tài sản ngắn hạn khác	-	126.754.600	(126.754.600)
NGUỒN VỐN			
Quỹ dự phòng tài chính	-	7.500.000.000	(7.500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	20.500.000.000	13.000.000.000	7.500.000.000

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Đào Thị Liêm

Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi